

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VỊ XUYỀN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/NQ-HĐND

Vị Xuyên, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu Ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương và phương
án phân bổ ngân sách xã Vị Xuyên năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VỊ XUYỀN
KHOÁ I - KỲ HỌP THỨ TƯ, NHIỆM KỲ 2021-2026**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số: 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Tuyên Quang năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh về Phương án phân bổ ngân sách địa phương tỉnh Tuyên Quang năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của UBND xã

Vị Xuyên về dự toán thu NSNN, thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 92/BC-BKTNS ngày 27/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu Ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã Vị Xuyên năm 2026

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 48.868,4 triệu đồng, trong đó:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 46.727 triệu đồng, gồm:

- 1.1. Thu từ khu vực kinh tế ngoài QD: 21.053 triệu đồng (Thuế GTGT);
- 1.2. Thu lệ phí, trước bạ: 10.960 triệu đồng;
- 1.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 75 triệu đồng;
- 1.4. Thuế thu nhập cá nhân: 3.200 triệu đồng;
- 1.5. Phí, lệ phí: 149,0 triệu đồng;
- 1.6. Tiền sử dụng đất: 10.000,0 triệu đồng
- 1.7. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: 1.090,0 triệu đồng;
- 1.8. Thu khác ngân sách: 200,0 triệu đồng;

2. Thu bổ sung từ viên trợ, đóng góp: 2.141,4 triệu đồng.

II. THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

1. Dự toán thu ngân sách xã là: 211.663,8 triệu đồng

- Thu ngân sách hưởng theo phân cấp: 45.118,5 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 164.221,1 triệu đồng.
- Thu từ dịch vụ môi trường rừng: 192,809 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ viên trợ, đóng góp: 2.141,4 triệu đồng

2. Dự toán chi ngân sách xã: 211.663,4 triệu đồng

- Chi đầu tư phát triển: 16.868,0 triệu đồng;
- Chi thường xuyên: 167.806,4 triệu đồng;
- Chi dự phòng ngân sách: 3.797,1 triệu đồng;
- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình, dự án,

nhiệm vụ khác: 19.473,8 triệu đồng.

- Tiết kiệm chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương: 1.384,3 triệu đồng;
- Thu từ dịch vụ môi trường rừng: 192,809 triệu đồng.
- Chi từ nguồn thu viện trợ, đóng góp: 2.141,4 triệu đồng.

III. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2026

Phân bổ dự toán ngân sách: 211.663,4 triệu đồng, trong đó:

1. Chi khối Đảng, Đoàn thể, Quản lý nhà nước,...: 17.397,49 triệu đồng;
2. Chi Khối sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 97.103,55 triệu đồng;
3. Chi thực hiện chính sách TW: 11.427,0 triệu đồng
 - + Sự nghiệp giáo dục: 4283,0 triệu đồng;
 - + Đảm bảo xã hội: 6.904,0 triệu đồng;
 - + Thuỷ lợi phí: 240,0 triệu đồng;
4. Chi thực hiện các chính sách của Địa phương: 14.279,21 triệu đồng;
5. Chi thực hiện PT KT-XH và nhiệm vụ chi khác: 27.599,14 triệu đồng;
6. Thực hiện các Chương trình mục tiêu, chế độ, chính sách và nhiệm vụ chi khác: 19.473,8 triệu đồng;
7. Chi đầu tư phát triển: 16.868,0 triệu đồng;
8. Tiết kiệm chi từ sự nghiệp: 1.384,32 triệu đồng;
9. Dự phòng Ngân sách: 3.797,1 triệu đồng;
10. Thu từ Dịch vụ môi trường rừng: 192,809
11. Chi từ nguồn thu viện trợ, đóng góp: 2.141 triệu đồng

(Có các mẫu biểu 01, 02, 03, 04 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã

a) Tổ chức thực hiện phân bổ, giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước cho từng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cấp xã theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Quyết định phân bổ chi tiết, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách cấp xã từ nguồn dự toán chưa phân bổ chi tiết để thực hiện các nhiệm vụ, chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành và chủ trương của cấp có thẩm quyền, bảo đảm đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân; các ban Hội đồng nhân dân, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./. *28*

Nơi nhận:

- TTr. HĐND tỉnh;
- TTr. UBND tỉnh;
- TTr. Đảng uỷ; HĐND; UBND xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã;
- Thuế cơ sở 5;
- KBNN khu vực VIII- Phòng giao dịch số 24
- Các ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT. *je*



CHỦ TỊCH

Đinh Thế Mạnh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 26/NQ - HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Vị Xuyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026
A	B	1	2	3
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	328.501,4	328.501,4	211.663,8
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	4.917,7	4.917,7	45.118,5
-	Thu NSDP hưởng 100%	4917,7	4917,7	21.404,0
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia			23.714,5
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	319.011,2	319.011,2	164.211,1
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	270.472,1	270.472,1	144.737,3
2	Thu bổ sung có mục tiêu	48.539,1	48.539,1	19.473,8
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
IV	Thu kết dư	488,2	488,2	
V	Chi từ Dịch vụ môi trường rừng			192,8
VI	Chi từ nguồn thu viện trợ, đóng góp		3.298,9	2.141,0
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	4.084,4	4.084,4	
B	TỔNG CHI NSDP	328.501,5	328.501,5	211.663,8
I	Tổng chi cân đối NSDP	140.913,2	140.913,2	189.855,8
1	Chi đầu tư phát triển	4.200	4.200	16.868,0
2	Chi thường xuyên	136.138,2	136.138,2	167.806,4
3	Chi trả nợ lãi các khoản			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			
5	Dự phòng ngân sách	575,0	575,0	3.797,1
6	Tiết kiệm chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			1.384,3
II	Chi các chương trình mục tiêu	20.010,1	20.010,1	19.473,8
1	Bổ sung vốn ĐT để thực hiện chương trình nhiệm vụ (từ thu sử dụng đất)	18.579,2	18.579,2	2.004,0
2	Bổ sung bốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách	1.430,9	1.430,9	17.469,8
III	Chi từ nguồn thu chuyển nguồn	4084,4	4084,4	
IV	Chi từ nguồn thu kết dư	488,2	488,2	
V	Chi từ Dịch vụ môi trường rừng			192,8
VI	Chi từ nguồn thu viện trợ, đóng góp		3.298,9	2.141,4
VII	Kinh phí ngân sách huyện đã thực hiện đến 30/6/2025	163.005,6	163.005,6	

Biểu số 02

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 26/NQ - HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Vị Xuyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	4.917,7	8.216,6	46.727,0	48.868,4	950,2	594,8
I	Thu nội địa	4.917,7	4.917,7	46.727,0	46.727,0	950,2	950,2
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	-		-			
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	-		-			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-		-			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.655,0	2.655,0	21.053,0	21.053,0	793,0	793,0
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.155,0	1.155,0	3.200,0	3.200,0	277,1	277,1
6	Lệ phí trước bạ	510,0	510,0	10.960,0	10.960,0	2.149,0	2.149,0
7	Thu phí, lệ phí	305,0	305,0	149,0	149,0	48,9	48,9
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-		-			
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	86,0	86	75,0	75	87,2	87,2
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	-		1.090,0	1.090,0		
11	Thu tiền sử dụng đất	-		10.000,0	10.000		
12	Thu khác ngân sách	206,7	206,7	200,0	200	96,8	96,8
II	Thu viện trợ, huy động, đóng góp		3.298,88		2.141,4		64,91

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 26/NQ - HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Vị Xuyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026
	B	1	2
A	TỔNG CHI NSDP	328.501,4	211.663,81
	CHI CÂN ĐỐI NSDP	140.913,2	189.855,80
I	Chi đầu tư phát triển	4.200,0	16.868,00
II	Chi thường xuyên	136.138,2	167.806,40
	<i>Trong đó:</i>		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	98.730,0	104.636,56
2	Chi khoa học và công nghệ		100,00
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		
V	Dự phòng ngân sách	575,0	3.797,10
VI	Tiết kiệm chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		1.384,30
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	20.010,1	19.473,80
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.143,4	
II	Các chương trình mục tiêu, chế độ chính sách, nhiệm vụ chi khác	18.866,7	19.473,80
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (nguồn thu sử dụng đất)		2.004,00
2	Kinh phí thực hiện Nghị định 116/2016/NĐ-CP; Nghị định 66/2025/NĐ-CP		2.461,90
3	Trợ giúp các đối tượng BTXH (theo NĐ 20/2021/NĐ - CP)		2.906,10
4	Hỗ trợ địa phương sản xuất đất lúa		97,00
5	Tiền lương giáo viên tăng thêm		4.865,80
6	Pháp lệnh người có công		7.139,00
C	CHI TỪ THU VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP		2.141,40
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		
E	CHI TỪ NGUỒN THU CHUYỂN NGUỒN	4.084,4	
F	CHI TỪ NGUỒN THU KẾT DƯ	488,2	
G	CHI TỪ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG		192,809
H	CHI CĐNS ĐP HUYỆN THỰC HIỆN ĐẾN 30/6/2025	163.005,6	

284

Biểu số 04

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)		Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi thực hiện CT mục tiêu, các chế độ, CS và nhiệm vụ chi khác	Tiết kiệm chi
				Tổng số	Tr. đó: Quỹ tiền thưởng				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CHI CĐNSĐP	211.663,8	16.868,0	161.524,8	4.897,3	3.797,1	1.384,3	21.808,0	1.384,3
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	16.868,0	16.868,0	-	-	-	-	-	-
II	KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, QLNN	17.397,49	-	16.500,71	641,78	-	-	-	254,99
1	Khối cơ quan QL NN	11.059,55	-	10.505,10	388,35	-	-	-	166,11
1.1	Các đơn vị thuộc ngân sách Văn phòng HĐND & UBND	4.776,10	-	4.537,07	155,59	-	-	-	83,44
1.1.1	Văn phòng HDND&UBND	3.672,64	-	3.502,35	104,29	-	-	-	66,00
1.1.2	Trung tâm phục vụ hành chính công	830,63	-	778,61	41,02	-	-	-	11,00
1.1.3	Ban chỉ huy quân sự xã	272,83	-	256,11	10,28	-	-	-	6,44
1.2	Phòng Văn hóa - Xã hội	1.498,60	-	1.409,11	69,61	-	-	-	19,88
1.3	Phòng Kinh tế	1.771,59	-	1.679,66	50,04	-	-	-	41,89
1.4	Trung tâm Dịch vụ công	3.013,26	-	2.879,26	113,11	-	-	-	20,89
2	Khối Đảng, Đoàn thể	6.337,93	-	5.995,61	253,43	-	-	-	88,89
2.1	Ủy ban Mật trận Tổ quốc	1.606,15	-	1.509,17	64,53	-	-	-	32,44
2.2	Các cơ quan khối Đảng	4.731,78	-	4.486,44	188,90	-	-	-	56,44
2.2.1	Văn phòng Đảng ủy	2.584,65	-	2.458,52	89,69	-	-	-	36,44

88

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)		Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi thực hiện CT mục tiêu, các chế độ, CS và nhiệm vụ chi khác	Tiết kiệm chi
				Tổng số	Tr. đó: Quỹ tiền thưởng				
2.2.2	Ban Xây dựng Đảng	1.038,03	-	983,17	45,97	-	-	-	8,89
2.2.3	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy	1.109,10	-	1.044,75	53,24	-	-	-	11,11
III	KHỐI SỰ NGHIỆP: GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	97.103,55	-	92.395,86	4.255,47	-	-	-	452,22
1	Khối mầm non	26.439,56	-	25.163,00	1.151,00	-	-	-	125,56
1.1	Trường mầm non Sơn Ca	4.613,22	-	4.393,00	198,00	-	-	-	22,22
1.2	Trường Mầm non Hoa Mai	7.482,67	-	7.117,00	329,00	-	-	-	36,67
1.3	Trường Mầm non Hòa Mi	8.030,67	-	7.643,00	351,00	-	-	-	36,67
1.4	Trường Mầm non Đạo Đức	6.313,00	-	6.010,00	273,00	-	-	-	30,00
2	Khối tiểu học	37.167,33	-	35.437,00	1.587,00	-	-	-	143,33
2.1	Trường Tiểu học 1 -5	14.346,33	-	13.680,00	613,00	-	-	-	53,33
2.2	Trường Tiểu học Đạo Đức	11.536,56	-	11.005,00	486,00	-	-	-	45,56
2.3	Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành	11.284,44	-	10.752,00	488,00	-	-	-	44,44
3	Khối Trung học cơ sở	31.760,89	-	30.100,00	1.482,00	-	-	-	178,89
3.1	Trường THCS Đạo Đức	5.513,44	-	5.228,00	261,00	-	-	-	24,44
3.2	Trường THCS TT Vị Xuyên	10.235,56	-	9.710,00	480,00	-	-	-	45,56
3.3	Trường THCS Lý Tự Trọng	7.354,00	-	6.955,00	329,00	-	-	-	70,00
3.4	Trường THCS Chu Văn An	8.657,89	-	8.207,00	412,00	-	-	-	38,89
4	Trung tâm chính trị xã	1.735,77	-	1.695,86	35,47	-	-	-	4,44
IV	CHÍNH SÁCH TW	11.427,00	-	11.427,00	-	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)		Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi thực hiện CT mục tiêu, các chế độ, CS và nhiệm vụ chi khác	Tiết kiệm chi
				Tổng số	Tr. đó: Quỹ tiền thưởng				
1	CSTW-Sự nghiệp giáo dục	4.283,00	-	4.283,00	-	-	-		-
2	Đảm bảo xã hội	6.904,00	-	6.904,00					
3	Sự nghiệp KT - Thuỷ lợi phí	240,00		240,00					
V	CHÍNH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.279,21	-	14.279,21	-	-	-	-	-
VI	CHI THỰC HIỆN PT KT-XH VÀ CÁC NHIỆM VỤ CHI KHÁC	27.599,14	-	26.922,04	-	-	-	-	677,10
VII	DỰ PHÒNG	3.797,10	-		-	3.797,10	-	-	
VIII	CHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ NHIỆM VỤ CHI KHÁC	19.473,80	-	-	-	-	-	19.473,80	
IX	TIẾT KIỆM CHI TỪ SỰ NGHIỆP	1.384,32					1.384,32		
X	DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG	192,809						192,809	
XI	CHI TỪ THU VIỆN TRỢ, ĐÓNG GÓP	2.141,40						2.141,40	

28